

**UBND HUYỆN HÒN ĐẤT
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *194*/VP-TH

Hòn Đất, ngày *20* tháng 11 năm 2019

V/v triển khai thực hiện Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Kính gửi:

- Thủ trưởng các ngành: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Công an huyện, Đài Truyền thanh;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất nhận được Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (kèm theo).

Phó Chủ tịch UBND huyện, Phạm Thanh Văn có ý kiến chỉ đạo:

1. Giao UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện tốt các nội dung Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh.

2. Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công an huyện, Đài Truyền thanh, UBND các xã, thị trấn và các ngành có liên quan tổ chức thực hiện và tham mưu UBND huyện thực hiện các nội dung Quy chế phối hợp thuộc trách nhiệm của UBND huyện được ban hành kèm theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh.

Văn phòng HĐND và UBND truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND huyện đến các cơ quan, đơn vị biết, để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND huyện;
- LĐVP;
- Website Hòn Đất;
- Lưu: VT, ttmen.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Tạ Văn Cầu

1000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2623/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 11 năm 2019

VĂN PHÒNG UBND - UBND H. HÒN ĐẤT	
Số: 1617	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng
Ngày: 15/11	trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà, quản lý sử dụng nhà và công sở;



Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1720/TTr-SXD ngày 17 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”.

Điều 2. Sở Xây dựng phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc.



Phạm Vũ Hồng



Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Xây dựng.
2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc (gọi chung là Ban Quản lý Khu kinh tế).
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện).
4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã).
5. Các Sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý trật tự xây dựng.
6. Tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng có hành vi vi phạm trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Quan hệ phối hợp phải tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành.
2. Đảm bảo xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong công tác quản lý, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bên liên quan, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của các bên.
3. Đảm bảo sự thống nhất giữa Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng một cách chặt chẽ, đồng bộ, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, buông lỏng trong công tác quản lý trật tự xây dựng.
4. Công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng phải được ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt để theo quy định pháp luật.



Việc xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân cùng tham gia giám sát.

5. Mọi thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng đều phải được kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp xử lý đối với công trình vi phạm qua thông tin phản ánh do các tổ chức hoặc cá nhân chuyển đến thì phải thông báo kết quả xử lý đến tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được biết để tiếp tục tham gia giám sát.

Điều 4. Nội dung phối hợp quản lý trật tự xây dựng

1. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, vận động các tổ chức và cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng.

2. Phối hợp trong công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng.

3. Phối hợp trong việc cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình quản lý trật tự xây dựng.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 5. Chủ tịch UBND cấp xã

1. Chịu trách nhiệm chính về tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

2. Đôn đốc, kiểm tra tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn; tất cả các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng phải được kiểm tra, xử lý kịp thời, dứt điểm từ khi mới bắt đầu.

3. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế theo thẩm quyền; đồng thời tổ chức cưỡng chế theo các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của các cấp có thẩm quyền.

4. Chỉ đạo công an, các cơ quan ban ngành cấp xã có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng tiếp tục vi phạm khi đã được cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Xử lý cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng để xảy ra vi phạm.

Điều 6. Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

2. Đôn đốc, kiểm tra Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Đội trưởng Đội kiểm tra trật tự đô thị (nếu có) trong việc thực hiện quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

3. Ban hành quyết định xử phạt hành chính, quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế theo thẩm quyền.

4. Xử lý Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ thuộc quyền được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng để xảy ra vi phạm.

5. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành biện pháp cần thiết, phù hợp tình hình thực tế trong công tác quản lý trật tự xây dựng.

Điều 7. Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế

1. Chịu trách nhiệm quản lý xây dựng đối với các công trình thuộc dự án và đã được Ban Quản lý Khu kinh tế cho thuê đất hoặc giao đất theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với các cơ quan ban ngành cấp huyện tổ chức kiểm tra và đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng đối với các công trình thuộc quyền quản lý.

Điều 8. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng

1. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Xây dựng về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn trong tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền; theo dõi, tổng hợp tình hình vi phạm trật tự xây dựng để báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng và Thanh tra Bộ Xây dựng.

3. Tham mưu cho Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo và đề xuất UBND tỉnh những biện pháp chấn chỉnh, khắc phục trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn trong tỉnh.

Điều 9. Giám đốc Sở Xây dựng.

1. Chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền.

2. Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Ban Quản lý Khu kinh tế tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền.

3. Tổng hợp tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo kịp thời trong công tác quản lý trật tự xây dựng.

4. Giải quyết kịp thời các kiến nghị về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý trật tự xây dựng.

||
||
||
||
||
||
||
||
||
||

Chương III

CÔNG TÁC PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 10. UBND cấp xã

1. Chủ trì, phối hợp với phòng, ban chuyên môn cấp huyện, Đội Kiểm tra trật tự xây dựng (nếu có), các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cấp xã thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn.

2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của các cấp có thẩm quyền đối với công trình xây dựng trên địa bàn.

3. Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với các cơ quan, ban ngành cấp huyện kiểm tra, xử lý tất cả các hành vi vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

Điều 11. UBND cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tư pháp thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn các văn bản pháp luật về xử lý trật tự xây dựng cho các phòng, ban cấp huyện được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng.

2. Chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND các xã phối hợp với Đài Truyền thanh huyện thường xuyên tuyên truyền, vận động hướng dẫn các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn.

3. Cử cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hướng dẫn các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng do cơ quan cấp trên tổ chức.

4. Công bố công khai thông tin quy hoạch xây dựng, công tác cấm mốc giới xây dựng trên địa bàn theo quy định để nhân dân biết thực hiện và tham gia giám sát.

5. Chỉ đạo các phòng, ban được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng, phối hợp với các cơ quan ban, ngành cấp huyện, UBND các xã, phường thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý trật tự xây dựng theo thẩm quyền.

Điều 12. Ban Quản lý Khu kinh tế

Phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã thường xuyên kiểm tra các công trình thuộc dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế cho thuê đất hoặc giao đất theo thẩm quyền. Đồng thời, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng khi có vi phạm xảy ra.

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân chấp hành đúng các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng; tổ chức tập huấn, hướng dẫn việc thực hiện các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

2. Chỉ đạo, phối hợp với UBND cấp huyện thường xuyên kiểm tra, giám sát việc công bố công khai thông tin quy hoạch xây dựng, công tác cấm mốc giới xây dựng trên địa bàn.

3. Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, UBND cấp huyện kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, UBND huyện và các cơ quan cấp huyện tổ chức cưỡng chế theo các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 14. Sở Tài nguyên và Môi trường

Xem xét tạm dừng việc đăng ký tài sản gắn liền với đất đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch UBND cấp xã. Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Sở Xây dựng đối với các trường hợp tổ chức cá nhân vi phạm trật tự xây dựng nhưng chưa chấm dứt hành vi vi phạm, chưa chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc chưa thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra.

Điều 15. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Xem xét tạm dừng việc cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong trường hợp công trình đang vi phạm trật tự xây dựng được sử dụng làm cơ sở để đăng ký kinh doanh theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Sở Xây dựng.

Điều 16. Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp với UBND các cấp cấm mốc chỉ giới hành lang an toàn đường bộ, quản lý, bảo vệ phần hành lang an toàn đường bộ đã giải toả, bảo vệ mốc lộ giới theo quy định.

2. Kiểm tra hoặc phối hợp với UBND các cấp và các ban ngành có liên quan kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp xây dựng vi phạm liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

Điều 17. Công an tỉnh

1. Tham gia phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức cưỡng chế theo các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Chỉ đạo công an các cấp (huyện, xã, thành phố) đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xử lý vi phạm về trật tự xây dựng của các cơ quan có thẩm quyền; công an cấp xã phối hợp với các cơ quan ban ngành cấp xã có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng tiếp tục vi phạm khi

đã được cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 18. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể

Tích cực phối hợp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về trật tự xây dựng trong nhân dân; phối hợp giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng công trình.

Điều 19. Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tư pháp

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về trật tự xây dựng.

2. Chỉ đạo các cơ quan truyền thông địa phương viết bài, đưa tin về việc chấp hành pháp luật xây dựng trên địa bàn.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Chế độ giao ban, báo cáo

1. Chế độ giao ban:

a) Định kỳ hàng tháng, UBND cấp xã, phường tổ chức giao ban với cán bộ, công chức, các bộ phận có liên quan của đơn vị mình và Khu phố trưởng (hoặc Trưởng ấp) để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý;

b) Định kỳ hàng quý, UBND cấp huyện, thành phố tổ chức giao ban với UBND cấp xã, phường và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý;

c) Định kỳ 6 tháng Sở Xây dựng tổ chức giao ban công tác quản lý trật tự xây dựng với UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình khó khăn, vướng mắc và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trong tỉnh thời gian tiếp theo;

d) Cơ quan công an, cơ quan quản lý công trình chuyên ngành, cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường và các cơ quan liên quan cùng cấp có trách nhiệm tham dự giao ban theo đề nghị của cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định tại Điểm a, b và c, Khoản 1 Điều này.

2. Chế độ báo cáo:

a) UBND cấp xã, phường có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho UBND cấp huyện hoặc theo yêu cầu của các cơ quan cấp trên về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo Phụ lục I



kèm theo Quy chế này; đồng thời nhận xét đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý, những đề xuất, kiến nghị...

- Số liệu báo cáo tháng: Từ ngày đầu tháng 01 của tháng báo cáo đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo. Báo cáo gửi về UBND huyện, thành phố trước ngày 02 của tháng sau tháng báo cáo.

b) UBND cấp huyện và Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho UBND tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình quản lý trật tự xây dựng thuộc quyền quản lý trên địa bàn theo Phụ lục II kèm theo Quy chế này, đồng thời nhận xét đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý, những đề xuất, kiến nghị...

- Số liệu báo cáo quý: Từ ngày đầu của quý báo cáo đến hết ngày cuối cùng của quý báo cáo. Báo cáo gửi trước ngày 05 của tháng đầu quý sau quý báo cáo (báo cáo quý I, II, III, IV).

- Số liệu báo cáo 06 tháng: Từ ngày đầu tháng 01 của năm báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo. Báo cáo gửi trước ngày 05 tháng 7 của năm báo cáo.

- Số liệu báo cáo năm: Từ ngày đầu tháng 01 của năm báo cáo đến hết ngày 30 tháng 12 của năm báo cáo. Báo cáo gửi trước ngày 05 tháng 01 của năm sau năm báo cáo.

- Báo cáo quý, 06 tháng, năm gửi về Sở Xây dựng Kiên Giang (qua Thanh tra Sở Xây dựng) bằng văn bản và đồng thời bằng file dữ liệu báo cáo gửi kèm theo qua hộp thư điện tử thanhtra.sxd@kiengiang.gov.vn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng.

c) Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho UBND tỉnh về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị, địa phương về biểu mẫu, thời kỳ lấy số liệu báo cáo.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Tổng hợp các ý kiến phản ánh của các cơ quan có liên quan về những vấn đề vướng mắc phát sinh và nghiên cứu đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp;

b) Chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện nội dung Quy chế theo quy định.

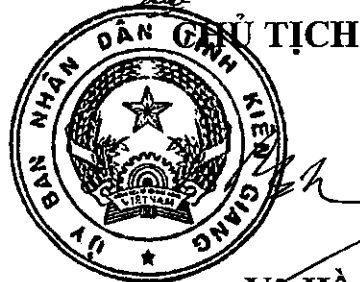
2. UBND cấp huyện có trách nhiệm phổ biến và tổ chức triển khai nội dung Quy chế này đến các cán bộ, công chức, viên chức thuộc cấp mình quản lý, cán bộ lãnh đạo và người được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng cấp xã; Công an các xã, phường; và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đóng trên địa bàn biết để thực hiện.



3. Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.



Phạm Vũ Hồng

KIÊN GIANG

(Mẫu Phụ lục I, II đính kèm theo Quyết định số 2623 /QĐ-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Báo cáo số /BC- ngày tháng năm 20... của huyện.....)

	Đơn vị tỉnh	Thực hiện trong kỳ tháng.... năm				Ghi chú
		Số lượng	Tổng số tiền	Số tiền đã nộp ngân sách	Số tiền đang đơn độc nộp ngân sách	
Tổng số các công trình được tổ chức kiểm tra về trật tự xây dựng	Công trình					
Trong đó:						
1. Số công trình vi phạm quy định trật xây dựng được phát hiện						
1.1. Không phép	Công trình					
1.2. Sai phép	Công trình					
1.3. Xây dựng sai quy hoạch	Công trình					
1.4 Vi phạm chỉ giới xây dựng	Công trình					
1.5.....	Công trình					
2. Kết quả xử phạt						
2.1. Số lượng biên bản vi phạm hành chính đã được lập.						
2.2. Số lượng quyết định xử phạt đã ban hành.	Quyết định					
2.3. Số lượng quyết định xử phạt đã được chấp hành.	Quyết định					
2.4. Số lượng quyết định cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thu tiền xử phạt đã ban hành.	Quyết định					
2.5. Số lượng quyết định cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thu tiền xử phạt đã chấp hành.	Quyết định					
2.6. Số lượng quyết định cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm đã ban hành.	Quyết định					
2.7. Số lượng quyết định cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm đã chấp hành.	Quyết định					
2.8. Số lượng công trình đã được cưỡng chế, tháo dỡ thực tế.	Công trình					
2.9. Xử lý khác (nêu cụ thể hình thức xử lý)						



Kiên Giang, ngày tháng năm 20..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐƠN VỊ:

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Báo cáo số /BC- ngày tháng năm 20... của huyện.....)

	Đơn vị tính	Thực hiện trong kỳ quý; 06 tháng; năm ...				Ghi chú
		Số lượng	Tổng số tiền	Số tiền đã nộp ngân sách	Số tiền đang đôn đốc nộp ngân sách	
I. Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	GPXD					
Chia ra:						
1. Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD					
2. Cấp cho các công trình/dự án	GPXD					
II. Tổng số các công trình được tổ chức kiểm tra về trật tự xây dựng	Công trình					
Trong đó:						
1. Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng được phát hiện						
1.1. Không phép	Công trình					
1.2. Sai phép	Công trình					
1.3. Xây dựng sai quy hoạch	Công trình					
1.4 Vi phạm chỉ giới xây dựng	Công trình					
1.5.....	Công trình					
2. Kết quả xử phạt						
2.1. Số lượng biên bản vi phạm hành chính đã được lập.						
2.2. Số lượng quyết định xử phạt đã ban hành.	Quyết định					
2.3. Số lượng quyết định xử phạt đã được chấp hành.	Quyết định					
2.4. Số lượng quyết định cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thu tiền xử phạt đã ban hành.	Quyết định					
2.5. Số lượng quyết định cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thu tiền xử phạt đã chấp hành.	Quyết định					
2.6. Số lượng quyết định cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm đã ban hành.	Quyết định					

2.7. Số lượng quyết định cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm đã chấp hành.	Quyết định					
2.8. Số lượng công trình đã được cưỡng chế, tháo dỡ thực tế.	Công trình					
2.9. Xử lý khác (nếu cụ thể hình thức xử lý)						

Kiên Giang, ngày tháng năm 20..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

